

Số: 11/2023/QĐST-HNGĐ

V, ngày 23 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: xóm 5, xã Liên S, huyện V, tỉnh N

- Bị đơn: **Anh Cao Trần Q**, sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 5, xã Liên S, huyện V, tỉnh N

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: xóm 5, xã Liên S, huyện V, tỉnh N

- Bị đơn: **Anh Cao Trần Q**, sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 5, xã Liên S, huyện V, tỉnh N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị N và anh Cao Trần Q cùng xác nhận vợ chồng có một con chung: cháu là Cao Tiến L, sinh ngày 13/5/2015. Chị N anh Q thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao cháu Cao Tiến L cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục kể từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi cháu Cao Tiến L đủ 18 tuổi; anh Cao Trần Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị Vũ Thị N và anh Cao Trần Q xác nhận vợ chồng tự thống nhất thỏa thuận về tài sản chung và công nợ chung không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy về quan hệ tài sản chung và công nợ chung tòa án không xem xét giải quyết

2.3 Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại chị Vũ Thị N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0004236 ngày 07/02/2023.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án DS huyện V
- Các đơn vị;
- UBND xã Liên S;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành